

Số: 05/2023/QĐST-DS

Châu Thành, ngày 23 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật”

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Ch Văn Bình.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thụy Thùy Trâm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên họp:
Ông Trần Th Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 70/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc “*Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Võ Thị Kh, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Ấp Khánh A, xã Tân Khánh Tr, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Kh là anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Ph, xã Bình Th, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Kim N, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Ấp Tân Th, xã Tân Ph, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ủy ban nhân dân xã Tân Phú.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H, chức vụ Chủ tịch.

Địa chỉ: Số 306, ấp Tân H, xã Tân Ph, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Trần Văn H là anh Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1972. Chức vụ tư pháp xã Tân Phú.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu và tại phiên họp anh Nguyễn Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền cho bà Võ Thị Kh trình bày:

Trước đây ông Trần Văn Ch (quê quán Bình Định) tham gia chế độ cũ, đi lính và đóng quân ở xã An Hữu, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường nay là xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Sau thời gian quen biết nhau đến năm 1965 bà Kh và ông Ch đăng ký kết hôn và được Ủy ban hành chính xã An Hữu cấp chứng thư hôn thú số 94 ngày 28/12/1965. Quá trình chung sống ông Ch và bà Kh có 05 con chung là Trần Văn Th, Trần Thị L (Trần Thị H) Trần Thị Ph, Trần Thị L, Trần Hoài Th. Sau khi giải phóng, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên năm 1977 theo chủ trương của Nhà nước ông Ch dẫn 02 người con là anh Th và chị L về xã Tân Phú được Nhà nước cấp đất để canh tác. Việc ông Ch ở chung với bà Lê Kim N năm nào thì bà Kh không rõ nhưng đến năm 1989 sau khi chị Trần Thị Th Nhàn được sinh ra thì anh Th có nói lại cho bà Kh biết việc này. Bà Kh hoàn toàn không biết việc ông Ch, bà N được cấp giấy chứng nhận kết hôn cho đến khi ông Ch mất và các bên tranh chấp thừa kế thì lúc này bà Kh mới biết.

Bà Kh xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Kh với ông Ch vẫn còn tồn tại cho đến thời điểm ông Ch mất. Không có chuyện bà Kh và ông Ch ly hôn.

Nay bà Võ Thị Kh yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông Trần Văn Ch với bà Lê Kim N theo giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 08/3/2004 của UBND xã Tân Phú.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Kim N trình bày: Bà N quen biết và bắt đầu chung sống với ông Ch từ tháng 5 năm 1987 trong hoàn cảnh là cả hai cùng làm vùng kinh tế mới tại xã Tân Phú. Trước đó ông Ch ở Lấp Vò xuống Tân Phú khai phá theo chủ trương của Nhà nước. Lúc ông Ch mới xuống có dẫn 02 con riêng của ông Ch là anh Trần Văn Th và chị Trần Thị L theo, ông Ch nói ông Ch và vợ cũ là bà Võ Thị Kh đã thôi nhau nên ông Ch mới xuống Tân Phú sinh sống.

Năm 2004 theo chủ trương chung, xã Tân Phú khuyến khích ai đủ điều kiện đăng ký kết hôn thì đến ủy ban làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy bà N và ông Ch ra xã Tân Phú làm thủ tục đăng ký kết hôn. Tại xã ông Ch cũng không có nói tình trạng hôn nhân giữ ông Ch với bà Kh còn tồn tại hay không nên sau khi đăng ký thì ông Ch, bà N được UBND xã Tân Phú cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 08/3/2004.

Nay bà Lê Kim N không đồng ý việc bà Kh yêu cầu hủy việc kết hôn giữa ông Ch với bà N.

Anh Nguyễn Hoàng S là người đại diện theo ủy quyền của UBND xã Tân Phú trình bày:

Thực hiện Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính Phủ quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000 của Quốc hội, để tạo điều kiện thuận lợi cho các bên kết hôn, ủy ban xã Tân Phú lập kế hoạch thực hiện tiếp nhận đăng ký kết hôn tại các ấp trên địa bàn xã. Sau khi tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đăng ký kết hôn của ông Trần Văn Ch và bà Lê Kim N vào ngày 08/3/2004 Ủy ban xã đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho ông Ch, bà N, kết hôn số 42, quyển số 01/2004. Tại thời điểm này ông Ch, bà N đăng ký thường trú tại ấp Tân Hòa, nay là Tân Thạnh, cùng chung sổ hộ khẩu nên khi tiếp nhận hồ sơ xét duyệt cũng không có xác minh tình trạng hôn nhân của các đối tượng. Ông Ch, bà N lúc này chung sống với nhau như vợ chồng, có 02 con chung là Trần Thị Th Nhân và Trần Thị Th Nhân, khai sinh tên cha Trần Văn Ch, tên mẹ Lê Kim N.

Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn thì ông Ch, bà N có viết tờ khai đăng ký kết hôn và có cam kết lời khai đúng sự thật.

Do ông Ch không khai báo đúng sự thật, cố tình che giấu tình trạng hôn nhân giữa ông Ch với bà Kh. Nếu thời điểm này ông Ch trình bày có đăng ký kết hôn với bà Kh và chưa ly hôn thì phía Ủy ban sẽ không cho ông Ch và bà N đăng ký kết hôn.

Trường hợp hôn nhân giữa ông Ch và bà Kh còn tồn tại thì việc cấp giấy chứng nhận kết hôn cho ông Ch và bà N là sai. Việc xem xét có hủy việc kết hôn giữa ông Ch, bà N hay không thì do Tòa án quyết định và phía ủy ban sẽ thực hiện theo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm (có bài phát biểu kèm theo).

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên họp và Thư ký từ khi thụ lý đến tại thời điểm mở phiên họp việc dân sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự và người yêu cầu tuân theo pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết việc dân sự đề nghị Chủ tọa phiên họp:

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điểm c khoản 2 Điều 5, Điều 8, Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Kh về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Trần Văn Ch với bà Lê Kim N theo giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01/2004 ngày 08/3/2004 của Ủy ban nhân dân xã Tân Phú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, bà Võ Thị Kh có đơn yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Trần Văn Ch và bà Lê Kim N nên đây là yêu cầu việc dân sự về hôn nhân và gia đình. Do ông Ch và bà N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú nên căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Đối với yêu cầu của bà Võ Thị Kh về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, xét thấy như sau:

Căn cứ lời trình bày của bà Kh, bà N, anh Sơn và tài liệu trong hồ sơ có cơ sở xác định:

Ông Ch và bà N chung sống từ tháng 5 năm 1987 đến năm 2004 có đăng ký kết hôn và được UBND xã Tân Phú cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyền số 01/2004 ngày 8/3/2004.

Trong thời gian chung sống ông Ch và bà N có 02 con chung là Trần Thị Th Nhân và Trần Thị Th Nhãn đã trưởng thành.

Tuy nhiên khi ông Ch chung sống và kết hôn với bà N thì quan hệ hôn nhân giữa ông Ch với bà Võ Thị Kh vẫn đang tồn tại, cụ thể:

Ông Ch và bà Kh chung sống từ năm 1965 và đã được chính quyền ghi nhận đó là Chứng thư hôn thú số 94 ngày 28/12/1965 do ủy ban xã An Hữu, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường cấp, đây là cơ sở pháp lý chứng minh ông Ch, bà Kh là vợ chồng.

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội “a. Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000...”

Theo Điểm d Mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 quy định: “Nam nữ được coi là sống chung với nhau như vợ chồng nếu họ có đủ điều kiện để kết hôn theo quy định của Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2000 và thuộc một trong các trường hợp sau: Có tổ chức lễ cưới khi về chung sống với nhau; Việc họ về chung sống với nhau được gia đình (một bên hoặc hai bên) chấp nhận; Việc họ về chung sống với nhau được người khác hay tổ chức chứng kiến; Họ thực sự chung sống với nhau, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình”.

Từ quy định trên cho thấy dù ông Ch và bà Kh không được cấp chứng thư hôn thú và cũng không có đăng ký kết hôn thì hôn nhân giữa ông Ch và bà Kh vẫn được xem là hôn nhân thực tế, vẫn được pháp luật thừa nhận.

Trong quá trình chung sống, ông Ch, bà Kh có 05 người con gồm anh Trần Văn Th, chị Trần Thị L (Trần Thị H), chị Trần Thị Ph, chị Trần Thị L, anh Trần Hoài Th, việc này các đương sự đều thừa nhận. Theo giấy khai sinh mà đương sự cung cấp thì vẫn xác định cha là Trần Văn Ch, mẹ là Võ Thị Kh.

Bà N xác định khi gặp ông Ch thì ông Ch nói lý do ông Ch xuống Tân Phú vì bà Kh và ông Ch thôi nhau, bà Kh đuổi ông Ch đi nhưng việc này bà N chỉ nghe ông Ch tự nói trong khi bà Kh không thừa nhận và luôn khẳng định hôn nhân giữa ông Ch và bà Kh vẫn còn tồn tại ngay thời điểm bà N đăng ký kết hôn với ông Ch tại xã Tân Phú. Bà N cũng không có chứng cứ nào chứng minh giữa ông Ch và bà Kh ly hôn cho đến khi ông Ch mất.

Tại điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP quy định người được coi là đang có vợ, chồng gồm “Người xác lập quan hệ vợ chồng với người khác trước ngày 03/01/1987 mà chưa đăng ký kết hôn và chưa ly hôn hoặc không có sự kiện vợ (chồng) của họ chết hoặc vợ (chồng) của họ không bị tuyên bố là đã chết”.

Việc bà N và ông Ch đăng ký kết hôn năm 2004 trong khi ông Ch là người đang có vợ, hôn nhân giữa ông Ch và bà Kh vẫn đang tồn tại.

Tại Điều 4 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 và Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đều quy định về việc Bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình, cụ thể:

Cấm người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ;

Đôi chiếu quy định trên, việc kết hôn giữa ông Ch và bà N là thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại khoản 1, Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm c khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, xét bà Võ Thị Kh yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Trần Văn Ch và bà Lê Kim N là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Võ Thị Kh phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định Pháp luật. Tuy nhiên bà Kh là người trên 60 tuổi và có đơn xin miễn nộp lệ phí, do đó bà Kh được miễn nộp tiền lệ phí này.

[4] Xét đề nghị Kiểm sát viên là phù hợp nên chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1, Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm c khoản 2 Điều 5, Điều 8, Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 12, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Kh về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Tuyên bố hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Trần Văn Ch và bà Lê Kim N theo giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01/2004 ngày 08/3/2004 của Ủy ban nhân dân xã Tân Phú.

2. Về lệ phí: Bà Võ Thị Kh được miễn nộp tiền lệ phí theo luật định.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Phú.
- Lưu HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(Đã ký)

Châu Văn Bình